

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 01/05/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CTC1+P2+AMD	7:25	12+10+0	0+0		12+10+1	0+0	NGUOI NHA AMD
2		RP2+RC3+CTK3	7:25	16+6+0	0+0+0		15+5+2	0+0+0	
3		P2+BK6+BK8	7:25	13+4+5	0+0+0		8+7+7	0+0+0	CHUYEN 1 P2- BK6
4		SAVR+RC10	9:25	17+4	0+0		17+4	0+0	
5		SAVR+RP2	9:25	9+12	0+0		0+20	0+0	
6		RP2+BK5+P2	11:25	9+9+4	0+0+0		5+6+11	0+0+0	CHUYEN 1 RP2- BK5

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/05/2025	TO: CTC1 - P2 - AMD	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: LINH - MTHAO - DTUNG	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	PHAN ANH ĐỨC	CTC1	14	1	5			63	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN HUY CÔNG	CTC1	15	1	4			50	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ ANH SƠN	CTC1	11	1	11			72	DMC-MI	Vietnamese
4	TRẦN NAM SƠN	CTC1	21	1	5			63	AMNGR	Vietnamese
5	TRẦN CÔNG TUYẾN	CTC1						77	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM THỂ MẠNH	CTC1	12	1	3			73	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VIỆT HÙNG	CTC1	10	1	10	2	25	94	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM VŨ TIẾN THANH	CTC1	13	1	7			93	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI VĂN MẠNH	CTC1	19-20	2	10			68	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN TUẤN TU	CTC1	09	1	6	1	6	48	PSV	Vietnamese
11	LÊ VĂN LONG	P2	81	1	7			74	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN KHÁC QUỐC	P2	92	1	7			70	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐỖ VĂN ĐĂNG	P2	97	1	7			68	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN DOÁN HƯƠNG	P2	89	1	3			70	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM XUÂN TRƯỜNG	P2	93	1	6			76	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ TRẦN MINH ĐẠT	P2				4	70	82	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐOÀN NGUYỄN BẢO CHÂU	P2	08	1	3			60	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN ANH BẢO	P2	96	1	8			67	YTE	Vietnamese
19	PHẠM VĂN ĐÔNG	P2	95	1	7			73	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN QUỐC TRUNG	P2	94	1	6			72	KH-THAC	Vietnamese
21	NGÔ VĂN NGHỊ	P2	91	1	3			64	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN CHI HƯƠNG	P2	98	1	4			65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	CTC1	10	701	10	61	3	31	10		
2	P2	12	841	11	61	4	70	11		
3	AMD	0	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	1.542	21	122	7	101	22		
WEIGHT KG			1.542		122		101			

GRAND TOAL: 1.765 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/05/2025	TO: RP2 - RC3 - CTK3	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: LHM - ĐỨC - THÔNG	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	VU MANH HA	RP2	59	1	6	2	40	72	KH-THAC	Vietnamese
2	HOANG HUU SON	RP2	54-55	2	13			73	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN SACH ĐON	RP2	49	1	7			68	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN KIM CUONG	RP2	48	1	4			65	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐAO MẠNH HUY	RP2	65-66	2	16			78	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VIET HUNG	RP2	61-62	2	13			72	KH-THAC	Vietnamese
7	VO TUAN ANH	RP2	67	1	7			60	KH-THAC	Vietnamese
8	VU ANH TUNG	RP2	57	1	3			75	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAN SI ĐIỆP	RP2	60	1	7			76	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN THANH DUONG	RP2	51-52	2	13			63	KH-THAC	Vietnamese
11	LUONG QUOC VUONG	RP2	50	1	4			77	KH-THAC	Vietnamese
12	LE CONG MINH HIEU	RP2	68	1	5			96	KH-THAC	Vietnamese
13	NGO TUAN ANH	RP2	63-64	2	19			75	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VAN KHANH	RP2	53	1	7			70	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐO VAN DUNG	RP2	58	1	6			59	KH-THAC	Vietnamese
16	HO THIEN DAT	RP2	56	1	13			61	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN THANH CONG	RC3	75	1	3	2	30	61	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN TRINH	RC3	72	1	10			76	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN TAN HONG	RC3	74	1	6			64	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN NGOC XUAN	RC3	73	1	4			57	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAN TAN TAI	RC3	70-71	2	11			63	KH-THAC	Vietnamese
22	PHAM VAN HIỆP	RC3	69	1	10			77	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP2	16	1.140	21	143	2	40	15		
2	RC3	6	398	7	44	2	30	5		
3	CTK3	0	0	0	0	2	30	2		
	TOTAL	22	1.538	28	187	6	100	22		
	WEIGHT KG		1.538		187		100			

GRAND TOAL: 1.825 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/05/2025	TO: P2 - BK6 - BK8	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: DƯƠNG - NPHÚ - MQUÂN	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	ĐOÀN MINH XANH	P2	17	1	4			58	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ HUNG CƯỜNG	P2	21-22	2	13			76	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ SY VANG	P2	18	1	9			62	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM THANH HIÊN	P2	15	1	4			79	KH-THAC	Vietnamese
5	HOANG TÂN QUÂN	P2	13	1	6			71	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN TIÊN CHUÔNG	P2						67	KH-THAC	Vietnamese
7	PHÙNG ANH TUÂN	P2	23	1	9			69	KH-THAC	Vietnamese
8	HỒ HUY QUYNH	P2						66	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN XUÂN THUY	P2	19	1	3			59	KH-THAC	Vietnamese
10	HÀ CHIÊN THẮNG	P2	20	1	6			81	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ NGỌC LƯƠNG	P2	16	1	4			76	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ VĂN NAM	P2	12	1	6			70	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN QUY TRUNG	P2	15	1	6			68	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TIÊN DŨNG	BK6	97-98	2	7			72	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN THANH HAI	BK6	21-22	2	18	2	25	76	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐỨC THIẾP	BK6	95	1	7			68	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẦN TRỌNG MINH	BK6	96	1	4			69	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN HOANG CẨM	BK8	47	1	4			74	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN TUÂN ĐẠT	BK8	44	1	4			86	KH-THAC	Vietnamese
20	LƯƠNG VIỆT HỢP	BK8	45	1	3	2	30	63	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN TIÊN ĐẠT	BK8	48	1	8	1	6	72	KH-THAC	Vietnamese
22	PHẦN TIÊN CƯỜNG	BK8	46	1	3			60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P2	13	902	12	70	0	0	8	1	CHUYEN 01 PAX P2 SANG BK6
2	BK6	4	285	6	36	2	25	7		
3	BK8	5	355	5	22	3	36	7		
	TOTAL	22	1.542	23	128	5	61	22		
	WEIGHT KG		1.542		128		61			

GRAND TOTAL: 1.731 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/05/2025	TO: SAVR - RC10	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:50
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: LINH - MTHAO - DTÙNG	ETA: 11:40
XANH - 2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN DUC THANG	SAVR	07-08	2	17			74	PVD BAKER	Vietnamese
2	ZHIGULIN ANTON	SAVR	16	1	12			104	AMNGR	Russian
3	FANOV ALEXANDER	SAVR	21-22	2	14			68	AMNGR	Russian
4	FIROV DENIS	SAVR	17-18	2	18			125	AMNGR	Russian
5	NGUYEN BA TUAN	SAVR	23	1	5			52	AMNGR	Vietnamese
6	PHAM VAN AN	SAVR	14-15	2	11			70	AMNGR	Vietnamese
7	LE HUY DIEP	SAVR	12-13	2	11			54	AMNGR	Vietnamese
8	TRAN MANH HUNG	SAVR	19	1	11			69	AMNGR	Vietnamese
9	VU THANH PHAT	SAVR	20	1	7			85	AMNGR	Vietnamese
10	NGUYEN VAN HIEP	SAVR	11	1	6			51	AMNGR	Vietnamese
11	NGUYEN HOANG LONG	SAVR	10	1	10			87	KHOAN	Vietnamese
12	SADOVNICHENKO D. A.	SAVR	06	1	13			104	KHOAN	Russian
13	NGUYEN VIET TRUNG	SAVR	09	1	10			82	KHOAN	Vietnamese
14	BUI VAN QUYET	SAVR	01	1	13			91	KHOAN	Vietnamese
15	DANG QUAN MINH	SAVR	05	1	12			61	BAKER HU	Vietnamese
16	PHAM TRI DUNG	SAVR	02-04	3	19			63	BAKER HU	Vietnamese
17	DAO VIET HAI	RC10	66	1	7	1	20	74	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN VAN HUNG	RC10	67-68	2	12			59	KH-THAC	Vietnamese
19	TRAN VAN THANH	RC10	65	1	7			62	KH-THAC	Vietnamese
20	BUI ĐỨC KHANH	RC10	63-64	2	11			53	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	SAVR	16	1.240	23	189	0	0	17		
2	RC10	4	248	6	37	1	20	4		
TOTAL		20	1.488	29	226	1	20	21		
WEIGHT KG			1.488		226		20			

GRAND TOAL: 1.734 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/05/2025	TO: SAVR - RP2	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:55
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: LHM - ĐỨC - THÔNG	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	GORCHAKOV EVGENII	SAVR	08	1	4			88	AMNGR	Russian
2	VINOKUROV ALEKSANDR	SAVR	13	1	13			76	AMNGR	Russian
3	GUZ MAKSIM	SAVR	09-11	3	16			78	AMNGR	Russian
4	POMOZOV ALEKSANDR	SAVR	12	1	7			70	AMNGR	Russian
5	MAI NHAN DUONG	SAVR	05-06	2	16			74	AMNGR	Vietnamese
6	NGUYEN VAN SON	SAVR	03	1	10			78	AMNGR	Vietnamese
7	BUI ANH PHUONG	SAVR	04	1	8			70	AMNGR	Vietnamese
8	TA THAI DUONG	SAVR	07	1	4			56	AMNGR	Vietnamese
9	JOHN TRIA OGSIMER	SAVR	01-02	2	20			93	BAKER HU	Filipino
10	NGO VAN SANG	RP2	73	1	6	3	55	62	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VAN TUNG	RP2	75-76	2	11			66	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN TRUONG THANH	RP2	96	1	7			70	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN HAI SANG	RP2	97	1	4			61	KH-THAC	Vietnamese
14	VU DUY QUYEN	RP2	600	1	15			65	KH-THAC	Vietnamese
15	LE CHI CUONG	RP2	95	1	4			70	KH-THAC	Vietnamese
16	DANG XUAN KHOA	RP2						66	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN QUANG TRUONG	RP2	74	1	7			101	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN TIEN DAT	RP2	98	1	2			79	KH-THAC	Vietnamese
19	THAI VAN TUAN	RP2	94	1	5			69	KH-THAC	Vietnamese
20	LE VAN QUAN	RP2	71-72	2	14			68	KH-THAC	Vietnamese
21	TRAN VAN VIET (1990)	RP2	99	1	3			77	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	SAVR	9	683	13	98	0	0	0		
2	RP2	12	854	13	78	3	55	21		
	TOTAL	21	1.537	26	176	3	55	21		
	WEIGHT KG		1.537		176		55			

GRAND TOAL: 1.768 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/05/2025	TO: RP2 - BK5 - P2	AIRCRAFT: 416	ETD: 12:15
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: LHM - ĐỨC - THÔNG	ETA: 14:05
XANH - 3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TRẦN MINH HÙNG	RP2	97	1	5			88	PSV	Vietnamese
2	VU ĐÌNH TU	RP2	799	1	7			65	PSV	Vietnamese
3	PHẠM QUANG LỢI	RP2	97	1	7			83	KH-THAC	Vietnamese
4	DUONG QUOC MAI	RP2	80	1	4			70	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐÌNH VĂN QUAN	RP2	498-499	2	17			61	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN ĐỨC THẮNG	RP2	96	1	12			66	YTE	Vietnamese
7	TRẦN TRỌNG QUI	RP2	800	1	6			70	PSV	Vietnamese
8	NGUYEN VAN LAP	RP2	99	1	4			66	PSV	Vietnamese
9	HOANG MINH THIEN	RP2	89	1	5			72	PSV	Vietnamese
10	TRẦN QUANG BINH	BK5	38	1	9			80	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐOÀN VĂN TRINH	BK5	37	1	5			61	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI QUANG DUY	BK5	39	1	11			74	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐẠO ĐỨC THAI	BK5	35	1	16	2	23	89	KH-THAC	Vietnamese
14	NGO HOANG NAM	BK5	30	1	15			78	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ BA HOA	BK5	31-32	2	30			72	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN HUU LONG	BK5	29	1	12			73	KH-THAC	Vietnamese
17	HOANG VAN PHUONG	BK5	36	1	4			67	PSV	Vietnamese
18	ĐO VIỆT LONG	P2	08	1	14			118	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM ANH ĐỨC	P2	11	1	7	1	18	61	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN MẠNH TUẤN	P2	10	1	4			72	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN VAN LAM	P2	09	1	10			94	ANTOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP2	9	641	10	67	0	0	3	1	CHUYEN 1 PAX RP2-BK5
2	BK5	8	594	9	102	2	23	6		
3	P2	4	345	4	35	1	18	13		
TOTAL		21	1.580	23	204	3	41	22		
WEIGHT KG			1.580		204		41			

GRAND TOTAL: 1.825 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 02/05/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		VSP01+RP1	7:25	21+0	0+0		21+1	0+0	
2		BK19+CLO+TD1	7:25	0+7+14	0+0+0		0+6+14	0+0+0	Chuyến 1 BK19- TD1Chuyến 1 CLO-TD1
3		AMD+P7	7:25	19+0	0+0		20+1	0+0	
4		T.JUNG	7:30	16	0		13	0	
5		VSP01+BK5+CLO	9:25	10+9	0+0		9+1+12	0+0	
6		TGTH4+TGTH5+TD3	9:25	4+5+10	0+0+0		4+4+14	0+0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/05/2025	TO: VSP01 - RP1	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: VTHĂNG - HTRUNG -	ETA: 09:20
XANH-1		THÀNH	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	BORVINSKY A.	VSP01	14	1	9			93	KH-THAC	Russian
2	TRUBOCHKIN A.	VSP01	09	1	4			79	KH-THAC	Russian
3	HUYNH KIM KHANH	VSP01	15	1	9			77	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM HOANG THANH	VSP01	22-23	2	23			71	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN ĐỨC THIÊN	VSP01	12	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐANG ĐỨC ANH	VSP01						69	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN NAM SINH	VSP01	10	1	7			77	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN VĂN CHÂU	VSP01	04	1	3			60	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAN VĂN TRƯỜNG	VSP01	11	1	6			61	KH-THAC	Vietnamese
10	VU QUANG THANH	VSP01	08	1	6			70	YTE	Vietnamese
11	VU VĂN ĐIỆP	VSP01	21	1	5			70	PSV	Vietnamese
12	NGUYEN QUỐC TUÂN	VSP01	03	1	5			74	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN TRỌNG NAM	VSP01	05-06	2	12			89	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN HOANG HA	VSP01	17	1	6			78	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN VĂN THUY	VSP01				3	55	69	KH-THAC	Vietnamese
16	TRINH TIEN BINH	VSP01	07	1	9			99	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAN THANH LỢI	VSP01	02	1	3			79	KH-THAC	Vietnamese
18	HOANG PHUC LUONG	VSP01						81	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ THANH TUÂN	VSP01	13	1	6			73	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAN THANH HA	VSP01	01	1	7			66	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN THANH TUNG	VSP01	16	1	6			72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	VSP01	21	1.574	20	131	3	55	21		
2	RP1	0	0	0	0	0	0	1		
	TOTAL	21	1.574	20	131	3	55	22		
	WEIGHT KG		1.574		131		55			

GRAND TOAL: 1.760 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/05/2025	TO: BK19 - CLO - TD1	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: LHM - ĐỨC - HTNAM	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LUONG NGOC KHUONG	CLO	48	1	5	4	70	81	KHOAN	Vietnamese
2	PHAM MINH HOANG	CLO	45	1	9			96	KHOAN	Vietnamese
3	LE VIET HUNG	CLO	49-50	2	10			65	KHOAN	Vietnamese
4	PHAM DINH THU	CLO	43	1	4			70	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN TAI THUYET	CLO	42	1	9			60	KHOAN	Vietnamese
6	LE MINH HIỆP	CLO	44	1	10			74	KHOAN	Vietnamese
7	HOANG VAN QUYEN	CLO	46-47	2	15			66	YTE	Vietnamese
8	NGUYEN TIEN DUNG	TD1	16	1	3			67	KHOAN	Vietnamese
9	TRAN NGOC THAI	TD1	17	1	7			85	KHOAN	Vietnamese
10	DOAN TUAN TU	TD1	12	1	5			73	KHOAN	Vietnamese
11	VU DINH PHONG	TD1	18	1	9			69	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN THIEN TUAN	TD1	01	1	4			69	KHOAN	Vietnamese
13	LAI ĐỨC LAM	TD1	15	1	5			71	KHOAN	Vietnamese
14	PHAM XUAN HUY	TD1	11	1	4			65	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN PHI HUNG	TD1	02	1	12			87	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN DINH NAM	TD1	05-06	2	6			77	KHOAN	Vietnamese
17	VU QUY VINH	TD1	13-14	2	16			75	KHOAN	Vietnamese
18	LE VIET THANH	TD1	07	1	4			76	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN VAN PHONG	TD1	09-10	2	9			66	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN XUAN PHU	TD1	08	1	2			87	KHOAN	Vietnamese
21	PHAM VAN THAI	TD1	03-04	2	16			83	SCHLUMBE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK19	0	0	0	0	0	0	0	CHUYEN 1 PAX BK19-TD1	
2	CLO	7	512	9	62	4	70	6	CHUYEN 1 PAX CLO-TD1	
3	TD1	14	1.050	18	102	0	0	14		
	TOTAL	21	1.562	27	164	4	70	20		
	WEIGHT KG		1.562		164		70			

GRAND TOAL: 1.796 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/05/2025	TO: AMD - P7	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: HUNG - SON - QTRƯỜNG	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	HY TAC SANG	AMD	54-55	2	14			68	TLJOC	Vietnamese
2	DUONG CHI PHONG	AMD	50	1	4			69	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐAO MINH TUAN	AMD	20	1	4			70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN ANH DUNG	AMD	56	1	2			70	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN TRUNG KIEN	AMD	22	1	5			82	KH-THAC	Vietnamese
6	TANG VAN BA	AMD	49	1	9			76	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ ANH MINH	AMD	83-84	2	5			65	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐOÀN VĂN THUỜNG	AMD	51	1	4			69	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM VĂN QUAN	AMD	17	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM VĂN QUANG	AMD	16	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN HỮU ĐẶNG	AMD	85	1	4			84	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN ĐỨC TRUNG	AMD	14-15	2	10			56	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VAN HUNG	AMD	86	1	4			68	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ HỒNG THAI	AMD	51	1	4			56	KH-THAC	Vietnamese
15	HOANG VAN SAU	AMD	21	1	4			60	KH-THAC	Vietnamese
16	HOANG HO NGHIA	AMD	53	1	8			70	KH-THAC	Vietnamese
17	LA NGOC MANH	AMD	18	1	4			63	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN LE DUY LE	AMD	19	1	7			80	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN VIET LAM	AMD	81-82	2	10	5	100	77	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	AMD	19	1.323	23	112	5	100	19		
2	P7	0	0	0	0	0	0	1		
	TOTAL	19	1.323	23	112	5	100	20		
	WEIGHT KG		1.323		112		100			

GRAND TOAL: 1.535 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/05/2025	TO: T.UNG	AIRCRAFT: 619	ETD: 07:45
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: TRƯỜNG - MẠNH	ETA: 10:45
TRANG - 1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LÊ HỒNG QUANG	T.UNG	03-04	2	12			77	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ TUẤN AN	T.UNG	06	1	6			78	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ ANH TUẤN	T.UNG	05	1	5			57	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐỖ THANH TÙNG	T.UNG	18	1	11	2	19	71	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN ĐÀ KHA	T.UNG	10	1	9			87	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐẠO DUY TỬ	T.UNG	11	1	6			58	KH-THAC	Vietnamese
7	DUƠNG VĂN THÔNG	T.UNG	07	1	7			63	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ XUÂN ĐẠT	T.UNG	12	1	9			87	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐỖ VĂN CƯỜNG	T.UNG				6	110	71	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN VĂN SƠN	T.UNG						68	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN HUY DŨ	T.UNG	09	1	6			96	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN ĐAN	T.UNG						65	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐỖ THANH TÙNG	T.UNG	08	1	6			93	CODIEN	Vietnamese
14	TRẦN CAO TUẤN	T.UNG	13	1	10			69	CODIEN	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN HẠNH	T.UNG	14-15	2	19			60	CODIEN	Vietnamese
16	PHẠM XUÂN HAI	T.UNG	16-17	2	12			74	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	T.UNG	16	1.174	16	118	8	129	13		
	TOTAL	16	1.174	16	118	8	129	13		
	WEIGHT KG		1.174		118		129			

GRAND TOAL: 1.421 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/05/2025	TO: VSP01 - BK5 - CLO	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: VTHANG - HTRUNG - THANH	ETA: 11:40
NAU - 2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LE TRAN BINH	VSP01	33	1	11			76	KH-THAC	Vietnamese
2	VU HAI DANG	VSP01	29	1	6			83	KH-THAC	Vietnamese
3	DANG MINH TAM	VSP01	25	1	6			63	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN TAN SANG	VSP01	31	1	5			63	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN THUONG HAI	VSP01	30	1	2			51	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VAN TUYEN	VSP01	26	1	3			75	KH-THAC	Vietnamese
7	TRAN VIET TUNG	VSP01	32	1	17			65	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN DUY DONG	VSP01	24	1	6			72	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN NGOC LAN	VSP01						72	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN TRUNG DUC	VSP01	27-28	2	10			76	ANTOAN	Vietnamese
11	LE HONG CUONG	BK5	40-41	2	24			73	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN XUAN THANH	CLO	32	1	3			66	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN CONG BANG	CLO	34	1	7			82	KHOAN	Vietnamese
14	TRUONG DUC THANG	CLO	35	1	10			60	KHOAN	Vietnamese
15	LE HUY TUYEN	CLO	30	1	10			56	KHOAN	Vietnamese
16	TRAN DANG KHOA	CLO	36	1	5			74	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN TRUONG SON	CLO	61-63	3	17			62	KHOAN	Vietnamese
18	TO ANH TUAN	CLO	31	1	10			73	KHOAN	Vietnamese
19	TRINH HUNG ANH	CLO	29	1	6			55	KHOAN	Vietnamese
20	MAI HAI LONG	CLO	33	1	7			70	D-HANH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	VSP01	10	696	10	66	0	0	9		
2	BK5	1	73	2	24	0	0	0		
3	CLO	9	598	11	75	0	0	12		
	TOTAL	20	1.367	23	165	0	0	21		
	WEIGHT KG		1.367		165		0			

GRAND TOTAL: 1.532 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/05/2025	TO: TGTH4 - TGTH5 - TD3	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:55
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: HUNG - SON - QTRƯỜNG	ETA: 11:45
HONG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	PHUNG MINH HAI	TGTH4	32	1	9	1	20	73	HLJOC	Vietnamese
2	PHAN THANH NGOAN	TGTH4	03-04	2	12			92	KH-THAC	Vietnamese
3	LE VAN TU	TGTH4	02	1	10			61	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN DINH CU	TGTH4	05	1	13	1	9	58	KH-THAC	Vietnamese
5	DO VAN THAO	TGTH5	88	1	7			67	HLJOC	Vietnamese
6	NGUYEN KHAC TOAN	TGTH5	38	1	4			79	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐÀO CÔNG BÌNH	TGTH5	84	1	10	1	14	67	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN VAN DINH	TGTH5	86	1	7			67	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN VĂN KHANH	TGTH5	87	1	6			59	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN VĂN HUY	TD3	88	1	14	2	40	82	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYEN PHI HUNG	TD3	96-97	2	16			63	XAYLAP	Vietnamese
12	PHAN MINH DUNG	TD3	87,98	2	19			70	XAYLAP	Vietnamese
13	LE QUY ĐON	TD3	90-91	2	15			73	XAYLAP	Vietnamese
14	TRẦN XUÂN QUYÊN	TD3	85-86	2	20			64	XAYLAP	Vietnamese
15	HỒ SỸ HUNG	TD3	200	1	8			80	XAYLAP	Vietnamese
16	ĐANG TÔ HIỆU	TD3	93	1	17	1	10	78	XAYLAP	Vietnamese
17	ĐỖ VĂN SỸ	TD3	92	1	9			84	XAYLAP	Vietnamese
18	VŨ TẠ HOÀN	TD3	94-95	2	19			69	XAYLAP	Vietnamese
19	BIÊN VĂN LUÔNG	TD3	98-99	2	20			73	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TGTH4	4	284	5	44	2	29	4		
2	TGTH5	5	339	5	34	1	14	4		
3	TD3	10	736	16	157	3	50	14		
TOTAL		19	1.359	26	235	6	93	22		
WEIGHT KG			1.359		235		93			

GRAND TOAL: 1.687 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN